

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng
Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang, tỉnh Quảng Nam**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại tờ trình số 78/TTr-BXD ngày 11 tháng 12 năm 2007 và của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tại tờ trình số 3434/TTr-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang, tỉnh Quảng Nam đến năm 2025 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi nghiên cứu

Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang nằm về phía Tây tỉnh Quảng Nam, dọc theo Quốc lộ 14D gồm 2 xã Chà Vål và La Êê, được giới hạn như sau:

- Phía Đông giáp các xã Đắc Pring, Tà Bhing, Đắc Pre huyện Nam Giang;
- Phía Tây giáp huyện Đắc Chung tỉnh Sê Kông (Lào) và xã La Êê huyện Nam Giang;
- Phía Nam giáp huyện Đắc Chung tỉnh Sê Kông (Lào);
- Phía Bắc giáp xã Zuôi huyện Nam Giang.

2. Tính chất

Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang là khu kinh tế hỗn hợp phát triển đồng bộ, gồm thương mại, dịch vụ, công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp, trong đó phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch làm trọng tâm.

3. Mục tiêu và quan điểm

- Xây dựng và phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang trở thành một động lực phát triển của khu vực phía Tây tỉnh Quảng Nam và là một trong những trung tâm liên kết phát triển miền Trung Việt Nam với Nam Lào và Đông Bắc Thái Lan;

- Thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống đối với nhân dân khu vực, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số;

- Giải quyết tốt mối quan hệ tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái, bản sắc văn hoá địa phương và bảo đảm quốc phòng, an ninh;

- Nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại với Lào và Thái Lan;

- Tránh và hạn chế những mâu thuẫn giữa các nhu cầu đầu tư trước mắt với yêu cầu phát triển lâu dài trong toàn bộ Khu kinh tế.

4. Quy mô dân số và đất đai

a) Quy mô dân số:

- Hiện trạng năm 2007 là 4.176 người;

- Đến năm 2015: khoảng 10.040 người;

- Đến năm 2025: khoảng 15.100 người.

b) Quy mô đất đai

Tổng diện tích đất tự nhiên Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang là 31.060 ha, trong đó diện tích Khu bảo tồn Sông Thanh là 15.360 ha và phạm vi quy hoạch Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang khoảng 700 ha.

5. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính

a) Căn cứ xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

- Quy chuẩn xây dựng Việt Nam;

- Khả năng quỹ đất cho phép phát triển và điều kiện tự nhiên, môi trường;

- Nhu cầu đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang.

b) Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính

- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị và các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật, xã hội tính theo tiêu chuẩn đô thị loại IV và có xét đến các yếu tố đặc thù của khu vực thiết kế;

- Đối với khu dân cư nông thôn: các chỉ tiêu theo quy định thiết kế điểm dân cư nông thôn phải phù hợp với điều kiện đặc trưng của khu vực thiết kế.

6. Các yêu cầu về phân khu chức năng và tổ chức không gian

a) Tiểu khu I: có quy mô đất đai khoảng 70 ha, được bố trí tại khu vực cửa khẩu, có các chức năng cơ bản là hoạt động dịch vụ xuất nhập cảnh, quá cảnh, tạm nhập tái xuất, trung chuyển hàng hoá kho bãi, quản lý cửa khẩu...,

b) Tiểu khu II: có quy mô đất đai khoảng 362 ha, dân số khoảng 9.000 người, vị trí tại thôn A Din, A Bát..., xã Chà Vài là trung tâm hành chính của Khu kinh tế cửa khẩu với các chức năng chính là khu bảo thuế, trung tâm công nghiệp (chế biến lâm sản, gia công, lắp ráp...), thương mại, dịch vụ và khu đô thị mới.

c) Tiểu khu III: có quy mô đất đai khoảng 192 ha, dân số khoảng 1.300 người. Bố trí tại thôn Đắc Ốc, là trung tâm hành chính xã La Dêê, các cơ sở thương mại, dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp, dân cư nông thôn; các khu vực bố trí các hoạt động du lịch sinh thái, văn hoá gắn với cảnh quan thiên nhiên.

d) Các điểm dân cư nông thôn bố trí gắn liền với phát triển nông lâm nghiệp, thương mại, dịch vụ phục vụ tại chỗ và các hoạt động du lịch và làng nghề truyền thống.

7. Các yêu cầu phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông đường bộ: tuyến đường 14D là tuyến huyết mạch nối kết Khu kinh tế cửa khẩu với khu vực phát triển phía Đông của tỉnh Quảng Nam, cần nghiên cứu nâng cấp thành đường cấp III miền núi, đối với các tuyến đường liên khu vực phù hợp yêu cầu phát triển của từng khu vực.

b) Cấp điện: dự báo nhu cầu điện năng cho sinh hoạt và sản xuất, nguồn cung cấp điện và mạng lưới truyền tải hợp lý và bảo đảm kinh tế.

c) Cấp nước: dự báo nhu cầu cấp nước sinh hoạt và nhu cầu nước cho sản xuất, thương mại, dịch vụ..., xác định các nguồn cung cấp nước và các giải pháp bảo vệ nguồn nước.

8. Đánh giá tác động môi trường và đề xuất giải pháp hạn chế ảnh hưởng tới môi trường.

9. Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

Cần nghiên cứu, đề xuất các nguồn lực đầu tư phát triển, phù hợp với các cơ chế, chính sách quản lý quy hoạch và kiến trúc đô thị và các giải pháp thực hiện quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang.

10. Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đề án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang thực hiện đúng quy định tại Điều 17 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19 tháng 8 năm 2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang tổ chức lập Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang đến năm 2025;

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam phê duyệt dự toán lập nhiệm vụ, đề án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang và ban hành Quy chế quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

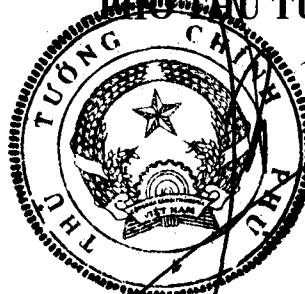
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể ngày ký.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ,
- Các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài Nguyên và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Giao thông vận tải, Quốc phòng;
- Văn phòng Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam;
- BQL Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang;
- VPCP: BTCN, PCN Văn Trọng Lý, các Vụ: TH, KTTH, NN, NC, ĐP, Website Chính phủ,
- Lưu: Văn thư, CN (5b) 4 5

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Hoàng Trung Hải